

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# ĐIỀU LỆ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG**

*( Ban hành kèm theo Quyết định số 3255/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 12 năm 2018 của ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng )*

Hải Phòng, năm 2018

Số: 3255 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 48/TTr-KHĐT ngày 23/10/2018 và Văn bản số 2415/KHĐT-DN ngày 09/11/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng (đính kèm theo).

Bản Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện, nếu có những điểm cần bổ sung, sửa đổi, Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng; Thủ trưởng các ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP ;
- Như Điều 3;
- Các ngành TTBCĐ ĐMDNTP;
- CPVP, các PCVP UBND TP;
- CV: XD2, DN;
- Lưu VT. *K*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là Công ty).

Trong phạm vi điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chủ sở hữu công ty” là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
2. “Vốn điều lệ của công ty” là vốn do Chủ sở hữu đầu tư và ghi tại Điều lệ công ty.
3. “Góp vốn” là việc đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của Công ty.
4. “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu Công ty.
5. “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty” tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp.
6. “Công ty con” là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty nước ngoài theo quy định của pháp luật.
7. “Công ty liên kết” là doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.
8. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu và các văn bản có liên quan sẽ có nghĩa tương tự Điều lệ này.
9. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.**

- Tên tiếng Anh: **HAI PHONG HOUSE MANAGEMENT AND TRADING ONE MEMBER LIMITED COMPANY.**

- Tên Công ty viết tắt bằng tiếng Việt: **Công ty Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng.**

2. Trụ sở chính: Số 24 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: (02253).838847

- Fax : (02253).838844

## **Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân**

1. Hình thức pháp lý: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

2. Tư cách pháp nhân:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ tại ngân hàng, kho bạc theo quy định của pháp luật, có Bảng cân đối kế toán riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và được lập các Quỹ theo định của pháp luật hiện hành và của Chủ sở hữu.

- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

## **Điều 4. Nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của Công ty**

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ do Chủ sở hữu định hướng nhằm đáp ứng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công ích và tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động; Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty; Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

## **Điều 5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh**

| TT | Tên ngành   | Mã ngành |
|----|---|----------|
| 1. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:<br>Chi tiết: Dịch vụ quản lý nhà và quyền sử dụng đất, đầu tư kinh doanh | 6810     |

| TT  | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
|     | các dự án kinh doanh phát triển nhà.  |          |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.<br>Chi tiết: Dịch vụ quản lý nhà và quyền sử dụng đất  | 6820     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở   | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở   | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt   | 4211     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ  | 4212     |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình thủy lợi  | 4222     |
| 8.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo<br>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp   | 4293     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:<br>Chi tiết: Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật   | 4299     |
| 10. | Phá dỡ  | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng:<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng  | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện   | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí:<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí, thiết bị lắp đặt ga; máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện   | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:<br>Chi tiết: Gia công lắp dựng nhà xưởng, cửa nhôm kính, cửa cuốn, các loại cửa tự động; Thang máy, cầu thang tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng, hút bụi, âm thanh.  | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng  | 4330     |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý:<br>Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư  | 7020     |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp   | 7110     |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim   | 4663     |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác:<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, máy, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |

## **Điều 6. Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ: **66.727.000.000 đồng.**

Bằng chữ: (Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Cách thức điều chỉnh:

a. Vốn điều lệ quy định tại Khoản 1 Điều này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Chủ sở hữu công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty.

b. Cách thức điều chỉnh vốn điều lệ; trình tự, thủ tục thực hiện bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

c. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng vốn và mức tăng vốn điều lệ.

## **Điều 7. Chủ sở hữu công ty**

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 18 phố Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

## **Điều 8. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người.

Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

2.1. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều này.

## **Điều 9. Quản lý Nhà nước**

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh,... hình thành, hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội dung của các tổ chức đó.

**Chương II**

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 11. Quyền của Công ty**

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính:

a. Công ty được quyền huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

b. Hình thức huy động vốn là vay vốn của các tổ chức tín dụng, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp, vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

c. Việc huy động vốn của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

d. Công ty được quyền đầu tư, xây dựng mua sắm tài sản cố định; thuê tài sản hoạt động; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

đ. Công ty được quyền chủ động thực hiện thanh lý nhượng bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai minh bạch bảo toàn vốn theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức kinh doanh:

a. Quyền được đầu tư, xây dựng mua sắm tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý nhượng bán tài sản cố định; các quyền khác đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh tại Điều 5 Điều lệ này.

c. Quyền mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng và quản lý, sử dụng, bảo quản các tài sản do Chủ sở hữu giao sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt, bao gồm: Tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục

tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

d. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác sau khi được chủ sở hữu phê duyệt với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt.

e. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

f. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

g. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

h. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

i. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

k. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

l. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

m. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý Công ty, các đơn vị trực thuộc công ty theo quyết định của Chủ sở hữu nhằm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ của Công ty.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự:

a. Tuyển chọn, điều hành, bố trí, sử dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh; quản lý lao động, quyết định hình thức trả lương theo quy định của Bộ Luật lao động và pháp luật hiện hành.

b. Có quyền khen thưởng và xử lý vi phạm nội quy, kỷ luật lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

c. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương, Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Đối với sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, Công ty có quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác theo quy định của Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan:

a. Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu hoặc thu phí sử

dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. Được bảo đảm thời hạn sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

c. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

d. Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho mọi đối tượng khách hàng.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 12. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh.

a. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký; chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Chủ sở hữu về kết quả sản xuất kinh doanh.

b. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh từng năm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty, nhu cầu của thị trường theo kế hoạch 5 năm đã được Chủ sở hữu phê duyệt; sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao.

c. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

d. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo đúng quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu.

đ. Khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

e. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết theo đúng pháp luật; thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, quốc phòng, an ninh, văn hóa và công tác phòng cháy chữa cháy.

f. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

g. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

h. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương với người lao động, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

i. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

k. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu nhà nước, chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

l. Thực hiện các quy định của nhà nước về Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở và các quy định về công khai đối với doanh nghiệp do Nhà nước ban hành nhằm phát huy quyền làm chủ của tập thể cán bộ công nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong hoạt động quản lý; thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của bộ Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

m. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

### **Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ sở hữu công ty**

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

2. Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể.

3. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

4. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

5. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên. Phê duyệt đề nghị của Chủ tịch công ty về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc công ty.

6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

7. Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

8. Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất và các dự án, tài sản, phương án thuộc thẩm quyền quyết định khác.

9. Tiếp nhận, xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng

thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm sau của người quản lý Công ty (gồm: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng); Có ý kiến về quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động trong Công ty.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Công ty để Chủ tịch công ty ra quyết định.

11. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên trong việc quản lý, điều hành Công ty.

12. Quyết định dự án đầu tư phát triển.

13. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

14. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

15. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.

16. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

17. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kiểm soát viên để giúp Chủ sở hữu công ty kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại công ty của Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc.

Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức liên quan của Công ty theo quy định tại Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

18. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo pháp luật có liên quan.

#### **Điều 14. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty**

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ:

Chủ sở hữu có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a. Chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số

vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty phải quản lý và điều hành công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu và tài sản của công ty.

b. Trong trường hợp Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c. Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu chỉ đạo Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay.

a. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

b. Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty; bảo đảm để Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và Chủ sở hữu công ty.

#### **Điều 15. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu công ty**

1. Chỉ được quyền rút vốn đã đầu tư vào Công ty bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho các tổ chức, cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty và phải đăng ký lại loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

#### **Điều 16. Mô hình tổ chức, quản lý của Công ty**

1. Công ty được tổ chức theo mô hình: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc

công ty và Kiểm soát viên.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và bộ máy giúp việc của Công ty, gồm: các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Trường hợp Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm, nhưng tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu còn từ đủ 02 năm đến dưới 05 năm công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 05 năm, từ đủ 18 tháng đến dưới 03 năm công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 03 năm, nếu được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại theo đúng quy định của pháp luật có liên quan thì không được quyết định và ký các văn bản theo chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ quản lý đó. Tổ chức và cá nhân có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm lại phải chịu trách nhiệm trong trường hợp bổ nhiệm lại.

## Mục 1

### CHỦ TỊCH CÔNG TY

#### Điều 17. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan và tại Điều lệ của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch công ty:

a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ hồ sơ cá nhân được cấp có thẩm quyền thẩm định, xác minh, xác nhận.

b. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

c. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ. Không đồng thời là cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên.

e. Không là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác trong những trường hợp quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

f. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

4. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của công ty.

5. Chủ tịch công ty làm việc hàng ngày tại công ty theo quy định của Luật Lao động. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu công ty. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty

#### **Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch công ty**

1. Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu; quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao hoặc trong những trường hợp sai phạm khác.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, kế hoạch trung, dài hạn của Công ty sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt.

3. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu; Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ chủ chốt công ty là trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và quyết định tuyển dụng lao động, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích hợp pháp của các chức danh trên và quỹ lương của người lao động.

4. Đề nghị chủ sở hữu điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

5. Chủ tịch công ty là chủ tài khoản Công ty, nhân danh công ty ký kết các loại hợp đồng kinh tế; quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận Công ty con, công ty liên kết sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương. Quyết định các giải pháp phát triển thi

trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

6. Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn góp của Công ty quyết định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 20, Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

7. Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án, quyết định từng dự án đầu tư, công trình, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, sử dụng vốn, tài sản, quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trường hợp huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đáp ứng điều kiện trên, những không có trong chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, Chủ tịch Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu xem xét phê duyệt.

Nguyên tắc, trình tự, thủ tục huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

8. Đề nghị Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

9. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu chấp thuận.

10. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi Đề án, phương án được Chủ sở hữu phê duyệt.

11. Quy định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận.

12. Đề xuất với cơ quan chức năng đề nghị Chủ sở hữu bỏ nhiệm chức danh Kiểm soát viên công ty và được Chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bỏ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại công ty. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở hoạt động của Công ty, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được Chủ sở hữu giao, có quyền báo cáo Chủ sở hữu và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Phối hợp với Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ

tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

14. Các Quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh “Chủ tịch công ty”. Các Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

15. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 19. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch công ty**

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

5. Chỉ đạo điều hành Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

6. Thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát và thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

7. Thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay trung hạn và dài hạn của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

8. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp với lãnh đạo công ty để kiểm điểm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý và bán, quyết định phương hướng, nhiệm vụ của công ty quý tiếp theo.

9. Hàng năm báo cáo Chủ sở hữu bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; phương hướng thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới của công ty.

10. Có trách nhiệm chỉ đạo cung cấp và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy

chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

#### Điều 20. Tổng Giám đốc công ty

1. Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận.

2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng tiếp.

3. Lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc:

a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh. Có kinh nghiệm ít nhất 5 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty.

c. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; không là người có liên quan của Chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty.

đ. Không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.

e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều 100 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty và của các cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty.

2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty.

3. Chỉ đạo, điều hành các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Triển khai, tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch công ty ban hành.

5. Ký kết các hợp đồng kinh tế nhân danh công ty khi được Chủ tịch công ty ủy quyền.

6. Ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch sử dụng lao động đã được Chủ tịch công ty quyết định phê duyệt, tuyển dụng.

7. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty, khi thấy cần thiết.

8. Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển; báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của công ty.

9. Đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch công ty phân bổ, sử dụng lợi nhuận sau thuế, phương án xử lý lỗ trong kinh doanh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.

10. Đề xuất với Chủ tịch công ty việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý Công ty.

11. Khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong công ty, trừ chức danh Chủ tịch công ty quyết định.

12. Đối với các đơn vị thành viên, Tổng Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Chủ tịch công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên.

b. Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ nhóm công ty hoặc tập đoàn.

c. Đề nghị Chủ sở hữu quyết định cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác.

13. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 22. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi

ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty có hiệu quả, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

8. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty.

9. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết với Chủ tịch công ty.

### **Điều 23. Quan hệ công tác giữa Chủ tịch công ty với Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công ty**

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Tổng Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Tổng Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình Chủ sở hữu công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

### **Điều 24. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người liên quan**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người sau đây phải được Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định:

- a. Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu công ty.
- b. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.
- c. Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này.
- d. Người quản lý công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó.

đ. Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này:

Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Tổng Giám

độc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

2. Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Các bên ký hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt.

b. Giá sử dụng trong hợp đồng, giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc công ty:

a. Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng hoặc thủ quỹ công ty.

b. Báo cáo Chủ sở hữu về các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Điều 25. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

1. Phó Tổng Giám đốc:

a. Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

b. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại quy chế công tác cán bộ của Công ty, có trình độ đại học (ưu tiên tốt nghiệp đại học hệ chính quy), có năng lực quản lý, có sức khỏe, có đạo đức tốt và có ý thức chấp hành pháp luật.

c. Số lượng Phó Tổng Giám đốc công ty không quá 02 người. Chủ tịch công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản

xuất, kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Trong trường hợp cần bổ sung thêm số lượng Phó Tổng giám đốc, phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

d. Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

## 2. Kế toán trưởng:

a. Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

b. Kế toán trưởng giúp Chủ tịch; Tổng Giám đốc công ty chỉ đạo, tổ chức, thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

c. Kế toán trưởng phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và có trình độ đại học đúng chuyên ngành tài chính-kế toán, có năng lực quản lý, có sức khỏe, có đạo đức tốt và có ý thức chấp hành pháp luật. Có nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch; Tổng Giám đốc công ty và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty quyết định, nhưng không quá 05 (năm) năm. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Thời hạn và thời điểm bổ nhiệm lại thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

## **Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, cách chức đối với Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty khác (Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng)**

1. Miễn nhiệm và cách chức đối với Chủ tịch công ty:

1.1. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 17 Điều lệ này.

b. Có đơn xin từ chức và Chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

c. Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;

d. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

đ. Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch công ty.

1.2. Chủ tịch công ty bị cách chức trong các trường hợp sau:

a. Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được Chủ sở hữu chấp thuận.

b. Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

c. Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

1.3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

2. Miễn nhiệm và cách chức Tổng Giám đốc:

2.1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Tổng Giám đốc không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 20 của Điều lệ này.

b. Có đơn xin nghỉ việc.

2.2. Tổng Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau:

a. Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật.

b. Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm.

c. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty.

d. Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật.

đ. Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 96 của Luật Doanh nghiệp.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý công ty bị miễn nhiệm và cách chức trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố.

b. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

- d. Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với công ty.
- đ. Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Ủy quyền của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc**

Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật; Người được ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc về các công việc được ủy quyền.

**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, chức danh quản lý khác, người lao động**

1. Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương, tiền thưởng theo chế độ Nhà nước quy định và tương ứng với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Quý I hàng năm, Chủ tịch công ty xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng năm trước của người quản lý công ty, trình Chủ sở hữu phê duyệt.

3. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a. Hàng tháng Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách được tạm ứng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Đối với tiền thưởng các thành viên chuyên trách nêu trên chỉ được tạm ứng 80% số tiền thưởng của năm, số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

b. Số 20% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy chế giám sát, đánh giá đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Tài chính ban hành.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá, thì Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách sẽ không được quyết toán 20% số tiền lương năm và không được hưởng 20% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

4. Người quản lý Công ty và các chức danh quản lý khác đều được hưởng thêm tiền lương, tiền thưởng theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có).

5. Tiền lương của tất cả người lao động trong Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành. Công ty đăng ký tiền lương, tiền công với cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của pháp luật.

6. Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của công ty không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

### **Điều 29. Bộ máy giúp việc**

1. Bộ máy giúp việc hiện tại gồm các phòng nghiệp vụ và các xí nghiệp thành viên:

Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch tài chính; Phòng Quản lý nhà; Phòng Quản lý sửa chữa; Phòng Dự án đầu tư; Phòng Kiểm tra xử lý; Xí nghiệp Quản lý nhà ở; Xí nghiệp Quản lý nhà chuyên biệt; Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà; Xí nghiệp Xây dựng và phát triển nhà.

2. Bộ máy giúp việc trên có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, kiểm tra giúp việc cho Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành Công ty và điều hành công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công ở đơn vị mình phụ trách.

3. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty quyết định thuộc thẩm quyền.

### **Điều 30. Đơn vị trực thuộc**

1. Tên, địa chỉ Chi nhánh, Địa điểm làm việc:

- Chi nhánh 1: Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà.

Địa chỉ: số 5 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Chi nhánh 2: Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển nhà.

Địa chỉ: Số 24 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Địa điểm làm việc: Ban quản lý nhà Lê Chân, Kiến An, Hải An - Xí nghiệp Quản lý nhà ở.

Địa chỉ: Số 01 Trần Nhân Tông, phường Văn Đẩu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt và Tổng Giám đốc công ty ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

### Mục 3

## NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

### Điều 31. Quản lý lao động

1. Công ty quản lý người lao động thông qua ký kết hợp đồng lao động. Việc ký kết hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được dựa trên các nguyên tắc xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế. Người lao động phải có trình độ chuyên môn, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc. Tổng Giám đốc công ty ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước. Người lao động trong Công ty được đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của đơn vị. Hàng năm Công ty lập kế hoạch và chương trình đào tạo cụ thể để triển khai thực hiện.

2. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Quan hệ giữa công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Hàng năm Công ty lập kế hoạch các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với tổ chức Công đoàn của người lao động thông qua Tổng Giám đốc công ty để thực hiện.

### Điều 32. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

### Điều 33. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

b. Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c. Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi

trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d. Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

e. Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a. Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b. Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c. Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

### **Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của người lao động**

1. Quyền của người lao động:

a. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

b. Người lao động thực hiện quyền lợi theo hợp đồng lao động đã ký và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Người lao động có quyền tham gia quản lý Công ty thông qua: Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động của Công ty; tổ chức Công đoàn Công ty để tham gia: Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Công ty; các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động; các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty; thực hiện các quyền ghi trong nội quy, quy chế Công ty, thỏa ước lao động tập thể và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người lao động:

a. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký, thực hiện nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác về lao động đã được Hội nghị người lao động Công ty thông qua hàng năm.

b. Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao. Trường hợp Công ty thực hiện sắp xếp lao động, tổ chức lại sản xuất kinh doanh dẫn đến Công ty có lao động dôi dư thì việc giải quyết đối với lao động dôi dư thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 35. Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động**

Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty được hưởng theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ tịch công ty quyết định hình thức trả lương, mức lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 36. Quản lý tài chính công ty**

1. Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty, Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ sở hữu ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của công ty tại doanh nghiệp khác.

b. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

c. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

d. Những nội dung khác có liên quan.

2. Hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo cơ chế thị trường, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

3. Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ công ích theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố sẽ được Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định. Các quy định về hỗ trợ chi phí trên phải đảm bảo chi phí tối thiểu về tiền lương của người lao động, nguyên, nhiên vật liệu, chi phí quản lý điều hành doanh nghiệp và một phần lợi nhuận.

#### **Điều 37. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó. Công ty thực hiện công khai tài chính hàng năm và báo cáo tài chính hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 38. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận hàng năm sau khi nộp thuế được trích lập vào các quỹ và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chủ tịch công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lập phương án phân phối lợi nhuận báo cáo Chủ sở hữu quyết định; Chủ sở hữu có thể quyết định cho trích lập một số quỹ

khác theo đề nghị của Chủ tịch công ty.

2. Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ công ích theo chỉ định của Ủy ban nhân dân thành phố, việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trên cơ sở các quy định về hỗ trợ chi phí được ngân sách nhà nước cấp nhưng phải phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

### **Điều 39. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Chủ sở hữu có thể giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

1. Do nguyên nhân khách quan: Chủ sở hữu cho phép xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

2. Do nguyên nhân chủ quan: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Chủ sở hữu công ty.

### **Điều 40. Các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác**

Trong quá trình hoạt động tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh Công ty, Chủ tịch công ty có thể xin ý kiến Chủ sở hữu để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, gồm: Góp vốn thành lập doanh nghiệp liên doanh; góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; mua cổ phần của công ty cổ phần; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 41. Vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác**

1. Vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác bao, bao gồm:

a. Vốn bằng tiền, giá trị tài sản, giá trị khác thuộc quyền sở hữu của Công ty theo quy định để đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

b. Vốn của Chủ sở hữu góp vào doanh nghiệp khác giao cho Công ty quản lý.

c. Vốn do Công ty vay để đầu tư.

d. Lợi tức từ vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

e. Các loại vốn khác.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn vào doanh nghiệp khác.

Chủ sở hữu quyết định góp vốn theo Khoản 7, Điều 13 của Điều lệ này.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY**

#### **Điều 42. Tổ chức lại Công ty**

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và

các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 43. Chuyển đổi sở hữu Công ty**

Chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 44. Tạm ngừng kinh doanh**

1. Chủ sở hữu công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu công ty phù hợp với Điều 200 Luật Doanh nghiệp, Điều 23 của Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ

#### **Điều 45. Giải thể và thanh lý tài sản khi giải thể**

1. Giải thể công ty;

a. Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

c. Bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thanh lý tài sản khi giải thể:

Khi quyết định giải thể Công ty, Chủ sở hữu thành lập Hội đồng giải thể làm nhiệm vụ thanh lý tài sản và giải quyết các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật; trong thời gian giải thể, Hội đồng giải thể có quyền đề xuất các biện pháp giải quyết đến Chủ sở hữu.

#### **Điều 46. Phá sản công ty**

Việc phá sản công ty thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

### **Chương VII**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN**

#### **Điều 47. Trách nhiệm báo cáo và thông tin**

1. Tổng Giám đốc công ty có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty.

b. Báo cáo tài chính.

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức

năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

#### **Điều 48. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu**

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.

b. Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

c. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu công ty:

a. Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty trong từng trường hợp.

#### **Điều 49. Công khai thông tin**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

4. Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 108, Điều 109 Luật Doanh nghiệp.

### **Chương VIII**

#### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC**

##### **Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty**

Chủ sở hữu công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Chủ tịch công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

##### **Điều 51. Con dấu, quản lý con dấu của Công ty**

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - a. Mẫu con dấu.
    - Hình thức: Hình tròn.
    - Kích cỡ: Đường kính con dấu 36 mm.
    - Nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng và mã số doanh nghiệp.
    - Màu mực dấu: Màu đỏ.
  - b. Số lượng con dấu: 01 (một) con dấu.

2. Quản lý con dấu:

2.1. Con dấu của Công ty được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức, nội dung con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Con dấu là tài sản của Công ty. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

**Điều 52. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ**

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

**Chương IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 53. Hiệu lực thi hành**

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

**Điều 54. Phạm vi thi hành**

1. Chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.
2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của công ty.
4. Bản Điều lệ gồm 09 Chương và 54 Điều đã được Chủ sở hữu công ty

thông qua từng Chương, từng Điều và phê duyệt bằng một Quyết định.

Bản Điều lệ này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

- 01 bản để đăng ký kinh doanh.
- 01 bản Chủ sở hữu để lưu.
- 01 bản Chủ tịch công ty để lưu.
- 01 bản Kiểm soát viên công ty để lưu.
- 01 bản Tổng Giám đốc công ty để lưu.
- 01 bản lưu tại Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Nguyễn Văn Quang**

**CHỦ SỞ HỮU  
TM. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**